

Nhon Trạch, ngày 12 tháng 3 năm 2026.

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các hộ dân có đất bị thu hồi thuộc dự án mở rộng đoạn Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành.

Hôm nay, vào lúc: 08 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Tại bản thông tin UBND xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Chúng tôi gồm có :

- Ông: Đào Minh Tâm Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Nhơn Trạch.
- Ông: Nguyễn Huy Sang Chức vụ: Phó CT UBMTTQ xã Nhơn Trạch.
- Ông: Nguyễn Phú Thọ Chức vụ: Chuyên viên Phòng kinh tế xã Nhơn Trạch.
- Ông: Lê Xuân Thảo Chức vụ: Chuyên viên TTPTQĐ tỉnh-CN Nhơn Trạch.
- Ông: Mã Hoàng Chinh Ban áp Bến Sắn, xã Nhơn Trạch.
- Ông: Nguyễn Thành Tây Ban áp Bến Cam, xã Nhơn Trạch.

Nội dung:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Thực hiện theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với các cơ quan quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

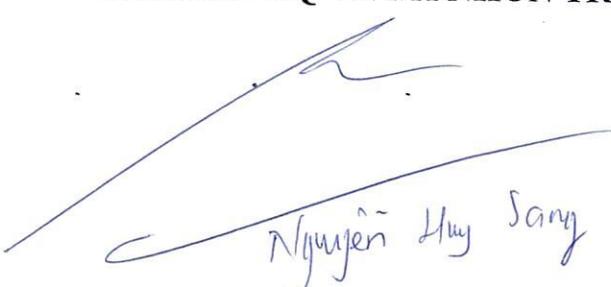
Để đảm bảo tính pháp lý và minh bạch trong công tác thu hồi đất của dự án. Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch phối hợp cùng các ngành và UBND xã Nhơn Trạch, tiến hành niêm yết phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư của các hộ dân thuộc dự án mở rộng đoạn Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành trên bảng thông tin của UBND xã và bản thông tin sinh hoạt chung tại trụ sở ban áp được biết, có sự chứng kiến của ban ngành đoàn thể UBND xã Nhơn Trạch và ban áp

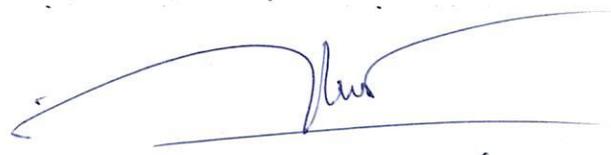
nơi có đất thu hồi và đồng thời UBND xã Nhơn Trạch đăng tải trên cổng thông tin điện tử của UBND cấp xã trong thời gian 10 ngày theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị quyết 254/2025 ngày 11/12/2025 của Quốc hội (đính kèm phương án bồi thường và các biểu mẫu).

Biên bản kết thúc vào lúc 09 giờ 00 phút, cùng ngày đã thông qua cho các thành viên nêu trên nghe, biên bản được lập thành 04 bản.

TM.UBMTTQ VN XÃ NHƠN TRẠCH

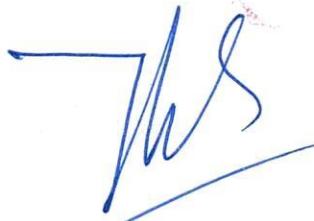
**TT PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH**


Nguyễn Huy Sang


Lê Xuân Thảo

PHÒNG KINH TẾ XÃ NHƠN TRẠCH

BAN ÁP


Nguyễn Phú Thọ


Mã Hoàng Chinh

UBND XÃ NHƠN TRẠCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Minh Tâm


Nguyễn Thành Tuyền



PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

V/v bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành, tại xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

(Phương án niêm yết lấy ý kiến)

I. Căn cứ pháp lý:

1. Pháp lý chung:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai.

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2024 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;

Căn cứ Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/2/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 824/SNNMT-ĐĐ ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện Nghị quyết số 254/2025/QH15 liên quan đến công tác định giá đất.

2. Pháp lý dự án:

Căn cứ Văn bản số 494/TTg-CN ngày 29/4/2025 của thủ tướng chính phủ về việc phương án thực hiện Dự án mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành.

Căn cứ Văn bản số 5889/VPCP-CN ngày 26/6/2025 của văn phòng chính phủ về việc triển khai thực hiện Dự án mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành theo công trình khẩn cấp.

Căn cứ Văn bản số 6166/VPCP-CN ngày 03/7/2025 của văn phòng chính phủ về việc triển khai thực hiện Dự án mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành theo công trình khẩn cấp.

Căn cứ Quyết định số 3694/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nhơn Trạch.

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 31/5/2025 của Hội đồng thành viên VEC về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 780/QĐ-VEC ngày 21/7/2025 của tổng công ty ĐT phát triển đường cao tốc Việt Nam về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế cắm cọc giải phóng mặt bằng (GPMB) Dự án mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành.

Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-VEC ngày 04/8/2025 của tổng công ty ĐT phát triển đường cao tốc Việt Nam về việc phê duyệt Dự án mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành.

Căn cứ Văn bản số 3203/STC-ĐT ngày 09/9/2025 của sở tài chính về việc giao nhiệm vụ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành.

Căn cứ Văn bản số 5179/UBND-KTNS ngày 12/9/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành.

Căn cứ công văn số 360/TTPTQĐ ngày 25/9/2025 về việc lấy ý kiến đóng góp dự thảo Kế hoạch thu hồi đất để thực hiện Dự án mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành.

Căn cứ văn bản số 892/VPĐK.NT-TTLT ngày 04/02/2026 của Văn phòng đang ký đất đai tỉnh Đồng Nai – CN Nhơn Trạch.

II. TỔNG QUAN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ.

1/ Tổng quan Dự án:

Dự án Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành (đoạn qua xã Nhơn Trạch) do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Nhơn Trạch làm chủ đầu tư với tổng số khoảng 20 hộ có đất bị thu hồi và 01 đất công (danh sách đính kèm). Tổng diện tích thu hồi khoảng 1.268,4m², (trong đó: Bồi thường đất 1.091,6 m², diện tích đất công do UBND xã Nhơn Trạch quản lý 176,8m²

2/ Diện tích, số hộ trình phương án:

a. Tổng diện tích đất thu hồi: 1.268,4 m² gồm:

- Đất Nông nghiệp: 1.091,6m², trong đó
 - + Đất trồng lúa: 1.070,2 m²
 - + Đất nuôi thủy sản: 21.4 m²
- Đất phi nông nghiệp: 176,8m²
 - + Đất sông rạch: 150,7m²
 - + Đất thủy lợi: 26,7m²

Tổng số 21 trường hợp: (trong đó: 20 trường hợp bồi thường, hỗ trợ và 01 đất tổ chức)

III. CƠ SỞ TÍNH TOÁN PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

1/ Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Căn cứ Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ Văn bản số 824/SNNMT-ĐĐ ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện Nghị quyết số 254/2025/QH15 liên quan đến công tác định giá đất.

Căn cứ Văn bản số 1271/HĐTĐGD ngày 09/3/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch về việc thẩm định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành;

2/ Bồi thường thiệt hại về cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

3/ Bồi thường các chính sách hỗ trợ và thưởng di dời:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4/ Phương án bố trí tái định cư:

Căn cứ Điều 111 Luật đất đai 2024.

+ Kết quả xét tái định cư: Căn cứ thông báo số 05/TB-HĐBT ngày 09/01/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã Nhơn Trạch về kết quả xét tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thuộc dự án Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành.

5/ Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi:

Trong phương án không có trường hợp phải di dời mồ mả.

6/ Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi.

Dự án mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành không có hộ phải di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi.

IV/ GIÁ TRỊ CỦA PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

a. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:	1.053.639.000	đồng
<i>Trong đó:</i>		
- Bồi thường đất:	932.356.000	đồng
- Bồi thường Nhà, Vật kiến trúc:	0	đồng
- Bồi thường về cây trồng:	11.283.000	đồng
- Hỗ trợ các chế độ chính sách:	0	đồng
- Thưởng di dời:	110.000.000	đồng
b. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (a) x 3,5%, trong đó:	36.878.000	đồng
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của TTPTQĐ (b) x 85%):	31.346.000	đồng
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND xã (b) x 15%):	5.532.000	đồng
c. Tổng giá trị bồi thường (a) + (b):	1.090.517.000	đồng

(Bằng chữ: Một tỷ, không trăm chín mươi triệu, năm trăm mười bảy ngàn đồng).

(Đính kèm mẫu biểu 6, 7, 9 và mẫu tái định cư)

Trên đây là Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện dự án Dự án mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành tại xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam làm chủ đầu tư./-

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành
Địa chỉ: xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ)

Số Mã TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)						Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại	Thường đi đời	Tổng cộng
			Tổng số	DT đất Phi nông nghiệp			DT đất Nông nghiệp						
			Tổng	Đất sông Rạch	Đất thủy lợi	Tổng	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa					
1	001	Đặng Thanh Sang	118,1			118,1		118,1	102.889.000	390.000		12.000.000	115.279.000
2	002	Nguyễn Minh Nhi	2,8			2,8		2,8	2.439.000	28.000		2.000.000	4.467.000
3	003	Nguyễn Minh Trí	149,9			149,9		149,9	130.592.000	1.342.000		12.000.000	143.934.000
4	004	Nguyễn Thị Phương	21			21		21	18.295.000	382.000		2.000.000	20.677.000
5	005	Đặng Thanh Phương	19,1			19,1		19,1	16.640.000			2.000.000	18.640.000
6	006	Võ Thới Lai - Nguyễn Thị Triệu	4,5			4,5		4,5	3.920.000	84.000		2.000.000	6.004.000
7	007	Vũ Thị Ngân	9,1			9,1		9,1	7.928.000	224.000		2.000.000	10.152.000
8	008	Hoàng Thị Ngọc Thiện	32,4			32,4		32,4	28.227.000	56.000		4.000.000	32.283.000
9	009	Trần Duyên Duyên	49,8			49,8		49,8	43.386.000	616.000		4.000.000	48.002.000
10	010	Nguyễn Công Minh	121,8			121,8		121,8	106.112.000	1.447.000		12.000.000	119.559.000
11	011	Vân Thị Phi Nga	61,2			61,2		61,2	53.317.000	2.091.000		8.000.000	63.408.000
12	012	Nguyễn Văn Tèo - Nguyễn Thị Gái	107,8			107,8		107,8	93.916.000	1.344.000		8.000.000	103.260.000
13	013	Nguyễn Văn Ước	7			7		7	6.098.000	56.000		2.000.000	8.154.000
14	014	Lê Quang Chung - Hoàng Thị Huyền	122,8			122,8		122,8	106.983.000	1.614.000		12.000.000	120.597.000

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUYỀN ĐẤT
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nhơn Trạch, ngày 09 tháng 03 năm 2026

Mẫu số 7

BẢNG TỔNG HỢP THU HỒI ĐẤT (ĐỢT NIÊM YẾT)

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

Địa chỉ xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ)

(Kèm theo Phương án số/PA-TTP/TPD ngày.....tháng.....năm..... của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch)

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Số thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Diện tích hồ trợ (m ²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)	Bồi thường về đất	Hỗ bồi thường về đất	Kinh phí hồ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
						DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp							Đất chưa sử dụng	Đất sông Rạch lợi	
1	Đặng Thanh Sang	Tổ 47 Khu A, ấp Phước Lý, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	52	42	1.035	79,1	39	79,1	39	79,1	39	871.200	871.200	102.889.000	Được nhà nước công nhận QSD đất số DB 579323 cấp ngày 25/05/2021	Được nhà nước công nhận QSD đất số DB 579324 cấp ngày 25/05/2021		

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Số thửa từ thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)			Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)		Tình trạng pháp lý	Ghi chú	
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp			Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất			Đã cấp GCNQSD đất (số)
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	Tổng	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa	Diện tích hỗ trợ (m ²)					
4	Nguyễn Thị Phương	Tổ 11, KP Phú Hưng, P An Lộc, tỉnh Bình Phước	52	158	1.661	8,5	8,5		8,5		21	8,5		871.200		Được nhà nước công nhận QSD đất số DB 579701 cấp ngày 31/05/2021	
5	Đặng Thanh Phương	ấp Vĩnh Tuy, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	57	377	822	21	21		21		21		18.295.000	871.200		Được nhà nước công nhận QSD đất số BP 009386 cấp ngày 21/12/2013	
6	Võ Thới Lai - Nguyễn Thị Triệu	Ấp Liên Kim Sơn, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	57	87 (10)	4.922,7	4,5	4,5		4,5		4,5		16.640.000	871.200		Được nhà nước công nhận QSD đất số CG 054511 cấp ngày 22/12/2016	
																Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số BK 519798, cấp ngày 31/8/2012	

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ thửa	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)				Diện tích hồ trợ (m ²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)	Hỗ trợ về đất	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa						Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m ²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TB SDB, XD trạng SD, tranh chấp)	
7	Vũ Thị Ngân	Thôn Thu Cúc, xã Thủy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	57	91 (10)	725		9,1			9,1		9,1		Vị trí 2: Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn BOT 319)	871.200		7.928.000	Được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cấp giấy CNQSD đất số DK 797843, cấp ngày 07/6/2023		
8	Hoàng Thị Ngọc Thiện	8 đường 50B K.p. 02, P. Long Trường (P. Phú Hữu, Tp. Thủ Đức cũ), Tp. HCM	57	92 (10)	5.258		32,4			32,4		32,4		Vị trí 2: Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn BOT 319)	871.200		28.227.000	Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy CNQSD đất số DD 023039, cấp ngày 13/12/2021		

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Số thửa tờ thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)			Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)	Kính phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Đã cấp GCNQSD đất (số)	Tình trạng pháp lý	Ghi chú
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp							
					Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	Đất sông thủy lợi	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa	Tổng	Đất bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất				
9	Trần Duyệt Duyệt	F229, Kp. 07, P. Trần Biên (P. Thống Nhất, Tp. Biên Hòa cũ), tỉnh Đồng Nai	57	153 (10)	1.980,2	44,6			44,6	44,6					Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy CNQSD đất số DJ 551354, cấp ngày 14/4/2023, chính lý biên động cho bà Trần Duyệt Duyệt ngày 19/6/2025		
			57	119 (10)	2.391,5	5,2			5,2	5,2				43.386.000	Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy CNQSD đất số DK 797433, cấp ngày 19/5/2023, chính lý biên động cho bà Trần Duyệt Duyệt ngày 23/6/2025		

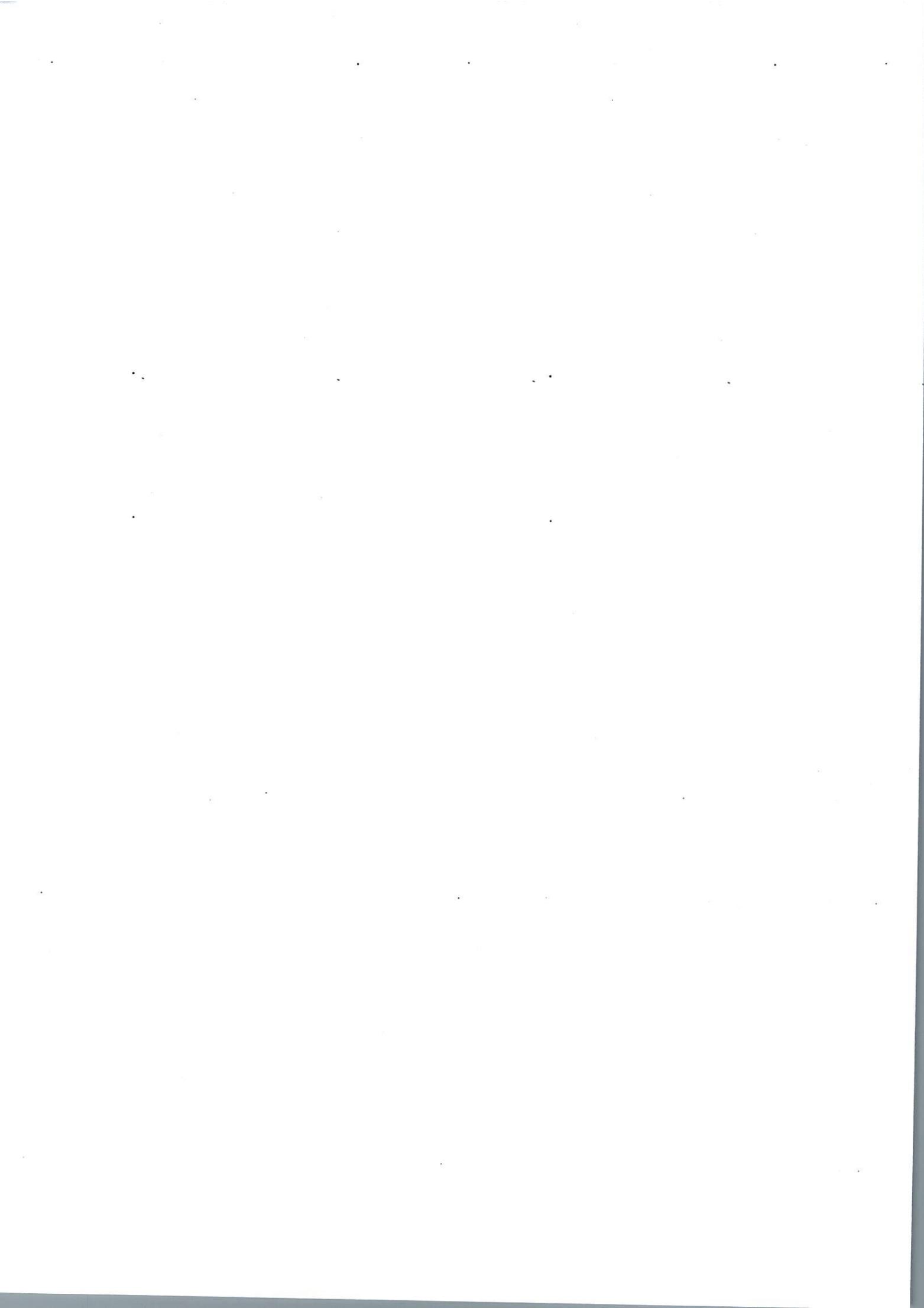
Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ thửa	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)					Diện tích hồ trợ (m ²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)	Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú					
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa	Đã cấp GCNQSD đất (số)							Chưa cấp GCNQSD đất (NG, TB SDB, XD nhà ở, tình trạng, SD, tranh chấp)							
10 010	Nguyễn Công Minh	Ấp Trâu, xã Nhơn Trạch (Phước Thiên cũ), tỉnh Đồng Nai	57	155 (10)	4.746,8		121,8						121,8			121,8			Vị trí 4; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn BOT 319)	871.200		106.112.000	Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy CNQSD đất số CY 260095, cấp ngày 30/10/2020				
11 011	Vân Thi Phi Nga	Ấp Xóm Hố, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	57	154 (10)	379		25,3					25,3		25,3		25,3			Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn BOT 319)	871.200		53.317.000	Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số BE 167323, cấp ngày 08/7/2011				

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số Số tờ thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)			Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
					Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp					Đã cấp GCNQSD đất (số)	Chưa cấp GCNQSDĐĐ (NG, TB SDD, XD nhà ở, tỉnh trạng SD, tranh chấp)	
					Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp				Đất bồi thường về đất	GCNQSDĐĐ, số tờ, số thửa, diện tích m ² , loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).		
12 012	Nguyễn Văn Tèo - Nguyễn Thị Gái	ấp Trầu, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	57	1.739,6	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	52,2	52,2	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa	52,2	Bồi thường về đất	93.916.000	Được nhà nước công nhận QSD đất số O 822870 cấp ngày 06/11/2000	
13 013	Nguyễn Văn Ước	116B Tân Điền B, P Long Trường, TpHCM	57	2.495,5	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	55,6	55,6	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa	55,6	Bồi thường về đất	93.916.000	Được nhà nước công nhận QSD đất số O 822870 cấp ngày 06/11/2000	
14 014	Lê Quang Chung - Hoàng Thị Huyền	43 Mai Văn Vinh, P. Tân Hưng (P. Tân Quy, Q. 07 cũ), Tp. HCM	57	3.847,3	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	122,8	122,8	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa	122,8	Bồi thường về đất	6.098.000	Được nhà nước công nhận QSD đất số V 339222 cấp ngày 12/06/2002	

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số từ thửa	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)				Mức giá (Đồng/m ²)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	GCNQSDĐ (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Tình trạng pháp lý		Ghi chú	
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	Đất trồng thủy sản	Đất trồng lúa				Đã cấp GCNQSDĐ	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TB SDB, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)		
15 015	Đào Văn Hai	Ấp Trầu, xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ), tỉnh Đồng Nai	57	85 (09)	1.429,3		32,6					32,6		32,6		Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số 1741785, cấp ngày 06/8/2007 (Thửa 79 tờ 09 cũ)			
16 016	Lê Văn Chín	ấp Bến Sắn, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	57	86	1.368,5		26,8					26,8		26,8		Được nhà nước công nhận QSD đất số 1 613118 cấp ngày 30/03/2007			
17 017	Trần Thành Hương	TK 54/22A đường Võ Văn Kiệt, P Cầu Ông Lãnh, TP HCMQ1,	52	49	767,		54,7					54,7		54,7		Được nhà nước công nhận QSD đất số CQ 680673 cấp ngày 28/01/2019			

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ thửa	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)				Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý	Ghi chú	
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp								Bồi thường về đất
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	Đất sông thủy Rạch lợi	Tổng	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa	Đất					
18 018	Nguyễn Thị Thu Vân	209/33 Tôn Thất Thuyết, P. 03, Q. 04, Tp. HCM (Địa chỉ theo GCNQSDĐ: Ấp Trầu, xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ), tỉnh Đồng Nai)	57	375 (10)	1.964,2	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng		37,5		Đất trồng thủy sản	Đất		Bồi thường về đất	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Đã cấp GCNQSDĐ, (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m ²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	
19 019	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	A3/193B, Kp. 03, P. P. Biên Hòa, (P. Tân Vạn, Tp. Biên Hòa cũ), tỉnh Đồng Nai	88	57 (09)	116					8,5						Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số BP 002116, cấp ngày 23/8/2013		
20 020	Nguyễn Văn Tuấn	294/65 Lê Hồng Phong, P. 04, Q. 05, Tp. HCM	37	52 (03)	3.722					82,8						Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số U 531488, cấp ngày 15/5/2002 (Thửa 30 tờ 03 cũ)		

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Số thửa từ thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)				Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp						Đã cấp GCNQSD đất (số)	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TB SDD, XD nhà ở, tinh trạng SD, tranh chấp)	
					Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	Tổng	Đất sông thùy Rạch lợi	Đất trồng thùy sản	Đất trồng lúa	Diện tích hỗ trợ (m ²)				Đất do UBND xã quản lý		
57			T4		5,8			5,8	5,8					Đất công UBNDxã; Đường Trần Phú (Đoan từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	Hỗ trợ về đất		Đất do UBND xã quản lý	
57			T5		5			5	5					Đất công UBNDxã; Đường Trần Phú (Đoan từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)			Đất do UBND xã quản lý	
52			S1		72,7			72,7	72,7					Đất công UBNDxã; Đường Trần Phú (Đoan từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)			Đất do UBND xã quản lý	
52			S2		14,2			14,2	14,2					Đất công UBNDxã; Đường Trần Phú (Đoan từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)			Đất do UBND xã quản lý	



BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÈ CÂY TRỒNG

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành
Địa chỉ: xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ)

Số TT	Mã số	Họ và tên	Hàng mục tính bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấp, hạng tài sản	Đơn giá xây dựng	Tỷ lệ (%)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Thuộc thửa đất	Ghi chú
								BT	HT			
1	001	Đặng Thanh Sang	1. Cây trồng		11					390.000	Thửa đất số 42, tờ 52 và thửa đất số 157, tờ 52	
			Bình bát	Cây	8		35.000	80		224.000		
			Keo lá tràm	Cây	1		163.247	80		131.000		
			Keo lá tràm	Cây	2		22.043	80		35.000		
		Tổng							390.000			
2	002	Nguyễn Minh Nhi	1. Cây trồng		1					28.000	Thửa đất số 41 (5, tờ 52	
			Bình bát	Cây	1		35.000	80		28.000		
										28.000		
3	003	Nguyễn Minh Trí	1. Cây trồng							1.342.000	Thửa đất số 43, tờ 52 và thửa đất số 44, tờ 52 và thửa đất số 47, tờ 52 và thửa đất số 156, tờ 52 và thửa đất số 158, tờ 52	
			Lá dứa nước	m2	98		12.000	80		941.000		
			Bình bát	Cây	1		35.000	80		28.000		
			Keo lá tràm	Cây	2		163.247	80		261.000		
			Bản	Cây	4		35.000	80		112.000		
					Tổng							
4	004	Nguyễn Thị Phương	1. Cây trồng		14					382.000	Thửa đất số 377, tờ 57	
			Bình bát	Cây	13		35.000	80		364.000		
			Keo lá tràm	Cây	1		22.043	80		18.000		
										382.000		
5	006	Võ Thời Lai - Nguyễn Thị Triệu	1. Cây trồng		3					84.000	Thửa đất số 87 (10, tờ 57	
			Bình bát	Cây	3		35.000	80		84.000		
										84.000		
6	007	Vũ Thị Ngân	1. Cây trồng		8					224.000	Thửa đất số 91 (10, tờ 57	
			Bình bát	Cây	8		35.000	80		224.000		
										224.000		
7	008	Hoàng Thị Ngọc Thiện	1. Cây trồng		2					56.000	Thửa đất số 92 (10, tờ 57	
			Bình bát	Cây	2		35.000	80		56.000		
										56.000		
8	009	Trần Duyên Duyên	1. Cây trồng		22					616.000	Thửa đất số 153 (10, tờ 57 và thửa đất số 119 (10, tờ 57	
			Bình bát	Cây	22		35.000	80		616.000		
										616.000		
		Tổng							616.000			

Số TT	Mã số	Họ và tên	Hạng mục tính bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấp, hạng tài sản	Đơn giá xây dựng	Tỷ lệ (%)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Thuộc thửa đất	Ghi chú	
								BT	HT				
9	010	Nguyễn Công Minh	1. Cây trồng		48					1.447.000	Thửa đất số 155 (10, tờ 57		
			Bình bát	Cây	47			35.000	80	1.316.000			
			Keo lá tràm	Cây	1			163.247	80	131.000			
		Tổng								1.447.000			
10	011	Văn Thị Phi Nga	1. Cây trồng							2.091.000	Thửa đất số 154 (10, tờ 57 và thửa đất số 115 (10, tờ 57		
			Cây chuối	ha	0,002							448.000	
			Mai	Cây	1			187.000	80	150.000			
			Bình bát	Cây	1			35.000	80	28.000			
			Cây Dừa (Năm thu hoạch thứ 1-5)	Cây	1			1.387.626	80	1.110.000			
			Bảng	Cây	1			444.210	80	355.000			
		Tổng			48				2.091.000				
11	012	Nguyễn Văn Tèo - Nguyễn Thị Gái	1. Cây trồng							1.344.000	Thửa đất số 156 (9, tờ 57 và thửa đất số 159 (9, tờ 57	T 156	
			Bình bát	Cây	21			35.000	80	588.000			
			Bình bát	Cây	27			35.000	80	756.000			
		Tổng							1.344.000		T 159		
12	013	Nguyễn Văn Ước	1. Cây trồng		2					56.000	Thửa đất số 379, tờ 57		
			Bình bát	Cây	2			35.000	80	56.000			
13	014	Lê Quang Chung - Hoàng Thị Huyền	1. Cây trồng		58					1.614.000	Thửa đất số 84 (09, tờ 57		
			Bình bát	Cây	57			35.000	80	1.596.000			
			Keo lá tràm	Cây	1			22.043	80	18.000			
												1.614.000	
14	015	Đào Văn Hai	1. Cây trồng		21					567.000	Thửa đất số 85 (09, tờ 57		
			Bình bát	Cây	19			35.000	80	532.000			
			Keo lá tràm	Cây	2			22.043	80	35.000			
		Tổng							567.000				
15	016	Lê Văn Chín	1. Cây trồng		6					224.000	Thửa đất số 86, tờ 57		
			Bình bát	Cây	2			35.000	80	56.000			
			Keo lá tràm	Cây	1			163.247	80	131.000			
			Keo lá tràm	Cây	3			15.384	80	37.000			
		Tổng							224.000				
16	018	Nguyễn Thị Thu Vân	1. Cây trồng		5					62.000	Thửa đất số 375 (10, tờ 57		
			Keo lá tràm	Cây	5			15.384	80	62.000			
												62.000	
17	020	Nguyễn Văn Tuấn	1. Cây trồng		27					756.000	Thửa đất số 37 (03, tờ 52		
			Bình bát	Cây	27			35.000	80	756.000			
												756.000	
		TỔNG GIÁ TRỊ							11.283.000				

Bảng chữ: Mười một triệu, hai trăm tám mươi ba ngàn đồng

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành
Địa chỉ: xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ)

Số Mã TT	Họ và tên	Địa chỉ nơi cư trú	Hỗ trợ tài trợ định cư	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm			Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn	Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách	Hỗ trợ dịch vụ y tế	Hỗ trợ tiền thuê nhà	Bồi thường chi phí di chuyển	Hỗ trợ khác	Thương do chấp hành tốt	Tổng cộng hỗ trợ
				Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (%)	Tổng số tiền hỗ trợ	Diện tích đất được hỗ trợ (m ²)	Số tiền hỗ trợ để chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Hỗ trợ đào tạo, học nghề								
1 001	Đặng Thanh Sang	Tổ 47 Khu A, ấp Phước Lý, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	0	10,32											12.000.000	12.000.000
2 002	Nguyễn Minh Nhi	Ấp Bình An, xã Châu Phú (Xã Bình Phú, huyện Châu Phú cũ), tỉnh An Giang	0	0,27											2.000.000	2.000.000
3 003	Nguyễn Minh Trí	205 đường Ông Hiên, KP2, P Mỹ Phước Tây, tỉnh Đồng Tháp	0	4,25											12.000.000	12.000.000
4 004	Nguyễn Thị Phương	Tổ 11, KP Phú Hưng, P An Lộc, tỉnh Bình Phước	0	2,55											2.000.000	2.000.000
5 005	Đặng Thanh Phương	ấp Vĩnh Tuy, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	0	0,46											2.000.000	2.000.000
6 006	Võ Thời Lai - Nguyễn Thị Triêu	Ấp Liên Kim Sơn, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0,09											2.000.000	2.000.000
7 007	Vũ Thị Ngân	Thôn Thu Cúc, xã Thủy Hưng, huyện Thất Thủy, tỉnh Thái Bình	0	1,26											2.000.000	2.000.000
8 008	Hoàng Thị Ngọc Thiên	8 đường 50B Kp. 02, P Long Trường (P. Phú Hữu, Tp. Thủ Đức cũ), Tp. HCM	0	0,62											4.000.000	4.000.000
9 009	Trần Duyên Duyên	F229, Kp. 07, P. Tân Biên (P. Thôn Nhứt, Tp. Biên Hòa cũ), tỉnh Đồng Nai	0	1,14											4.000.000	4.000.000
10 010	Nguyễn Công Minh	Ấp Trầu, xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ), tỉnh Đồng Nai	0	2,57											12.000.000	12.000.000
11 011	Vân Thị Phi Nga	Ấp Xóm Hố, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai	0	7,63											8.000.000	8.000.000

Số Mã TT	Họ và tên	Địa chỉ nơi cư trú	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm			Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách	Hỗ trợ dịch vụ y tế	Hỗ trợ tiền thuê nhà	Bồi thường chi phí di chuyển	Hỗ trợ khác	Thưởng do chấp hành tốt	Tổng cộng hỗ trợ
				Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp số tiền bị thu hồi hỗ trợ (%)	Tổng số hộ trợ	Diện tích đất được hỗ trợ (m ²)	Số tiền hỗ trợ để chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Hỗ trợ đào tạo, học nghề							
12 012	Nguyễn Văn Tèo - Nguyễn Thị Gái	ấp Tràu, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	0	2,55										8.000.000	8.000.000
13 013	Nguyễn Văn Ước	116B Tân Điền B, P Long Trường, TpHCM	0	64,22										2.000.000	2.000.000
14 014	Lê Quang Chung - Hoàng Thị Huyền	43 Mai Văn Vĩnh, P. Tân Hưng (P. Tân Quý, Q. 07 cũ), Tp. HCM	0	3,19										12.000.000	12.000.000
15 015	Đào Văn Hai	ấp Tràu, xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ), tỉnh Đồng Nai	0	2,28										4.000.000	4.000.000
16 016	Lê Văn Chín	ấp Bến Sắn, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	0	1,96										4.000.000	4.000.000
17 017	Trần Thành Hương	TK 54/22A đường Võ Văn Kiệt, P Cầu Ông Lãnh, TP HCMQ1,	0	7,13										4.000.000	4.000.000
18 018	Nguyễn Thị Thu Vân	209/33 Tôn Thất Thuyết, P. 03, Q. 04, Tp. HCM (Địa chỉ theo GCNQSDĐ: Ấp Tràu, xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ), tỉnh Đồng Nai)	0	1,91										4.000.000	4.000.000
19 019	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	A3/193B, Kp. 03, P. P. Biên Hòa, (P. Tân Vạn, Tp. Biên Hòa cũ), tỉnh Đồng Nai	0	7,33										2.000.000	2.000.000
20 020	Nguyễn Văn Tuấn	294/65 Lê Hồng Phong, P. 04, Q. 05, Tp. HCM	0	2,22										8.000.000	8.000.000
21 021	UBND xã Nhơn Trạch	Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	0	0											
Tổng cộng			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	110.000.000	110.000.000

Bảng chữ: Một trăm mười triệu đồng

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

DANH SÁCH KẾT QUẢ XÉT TÀI ĐỊNH CƯ (ĐỢT NIÊM YẾT)
Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành
Địa chỉ: xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ)
(kèm theo Phương án số:/P4-TTPTQĐ ngày:tháng:năm:của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nhơn Trạch, ngày 09 tháng 03 năm 2026

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	CMND/điện thoại	Số tờ/số thửa	ĐỦ ĐIỀU KIỆN	KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN	SỐ QUYẾT ĐỊNH/SỐ THÔNG BÁO	CHỈ CHỮ
1	001	Đặng Thanh Sang	Tổ 47 Khu A, ấp Phước Lý, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 024906352 - .../..... Điện thoại:	52/42 52/157		X		
2	002	Nguyễn Minh Nhi	Ấp Bình An, xã Châu Phú (xã Bình Phú, huyện Châu Phú cũ), tỉnh An Giang	CMND/CCCD: 352343117 - .../..... Điện thoại:	52/41 (5/41 cũ)		X		
3	003	Nguyễn Minh Trí	205 đường Ông Hiệu, KP2, P Mỹ Phước Tây, tỉnh Đồng Tháp	CMND/CCCD: 312306634 - .../..... Điện thoại:	52/43 52/44 52/47 52/156 52/158		X		
4	004	Nguyễn Thị Phương	Tổ 11, KP Phú Hưng, P An Lộc, tỉnh Bình Phước	CMND/CCCD: 285389343 - .../..... Điện thoại:	57/377		X		
5	005	Đặng Thanh Phương	ấp Vĩnh Tuy, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 272485934 - .../..... Điện thoại:	52/52		X		
6	006	Võ Thới Lai - Nguyễn Thị Triệu	Ấp Liên Kim Sơn, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 271034225 - 270222194 - 22/01/2016 - 04/5/2017 Điện thoại:	57/87 (10/87 cũ)		X		
7	007	Vũ Thị Ngân	Thôn Thu Cúc, xã Thủy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	CMND/CCCD: 034199002553 - .../..... Điện thoại:	57/91 (10/91 cũ)		X		
8	008	Hoàng Thị Ngọc Thiện	8 đường 50B Kp. 02, P. Long Trường (P. Phú Hữu, Tp. Thủ Đức cũ), Tp. HCM	CMND/CCCD: 024190000614 - 09/12/2022 Điện thoại:	57/92 (10/92 cũ)		X		
9	009	Trần Duyên Duyên	F229, Kp. 07, P. Trần Biên (P. Thông Nhất, Tp. Biên Hòa cũ), tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 075196018888 - .../..... Điện thoại:	57/153 (10/153 cũ) 57/119 (10/119 cũ)		X		
10	010	Nguyễn Công Minh	Ấp Trầu, xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ), tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 270304029 - .../..... Điện thoại:	57/155 (10/155 cũ)		X		
11	011	Vân Thị Phi Nga	Ấp Xóm Hố, xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ), tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 023232521 - 03/3/2005 Điện thoại:	57/154 (10/154 cũ) 57/115 (10/115 cũ)		X		
12	012	Nguyễn Văn Tèo - Nguyễn Thị Gái	ấp Trầu, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 075062004529 - 075167010871 - .../..... Điện thoại:	57/156 (9/113, 114, 128, 133) 57/159 (9/112, 123)		X		
13	013	Nguyễn Văn Ước	116B Tân Điền B, P Long Trường, TpHCM	CMND/CCCD: 021446182 - .../..... Điện thoại:	57/379		X		
14	014	Lê Quang Chung - Hoàng Thị Huyền	43 Mai Văn Vinh, P Tân Hưng (P. Tân Quy, Q. 07 cũ), Tp. HCM	CMND/CCCD: 031072002701 - 0361820033621 - 26/7/2016 Điện thoại:	57/84 (09/80 cũ)		X		
15	015	Đào Văn Hai	Ấp Trầu, xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ), tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 270289634 - 19/5/2006 Điện thoại: 0907309969	57/85 (09/79 cũ)		X		
16	016	Lê Văn Chín	ấp Bến Sắn, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 270706339 - .../..... Điện thoại:	57/86		X		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	CMND/điện thoại	Số tờ/số thửa	ĐỦ ĐIỀU KIỆN	KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN	SỐ QUYẾT ĐỊNH/SỐ THÔNG BÁO	GHI CHÚ	
17	017	Trần Thành Hương	TK 54/22A đường Võ Văn Kiệt, P Cầu Ông Lãnh, TP HCM Q1, 209/33 Tôn Thất Thuyết, P. 03, Q. 04, Tp. HCM (Địa chỉ theo GCNQSDĐ: Ấp Trầu, xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ), tỉnh Đồng Nai)	CMND/CCCD: 023205424 - .../.../..... Điện thoại:	52/49		X			
18	018	Nguyễn Thị Thu Vân		CMND/CCCD: 079158002489 - 12/01/2022 Điện thoại:	57/375 (10/375 cũ)		X			
19	019	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	A3/193B, Kp. 03, P. P. Biên Hòa, (P. Tân Vạn, Tp. Biên Hòa cũ), tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 272272668 - 15/8/2008 Điện thoại:	57/88 (09/85 cũ)		X			
20	020	Nguyễn Văn Tuấn	294/65 Lê Hồng Phong, P. 04, Q. 05, Tp. HCM	CMND/CCCD: 021977116 - .../.../..... Điện thoại:	52/37 (03/30 cũ)		X			
21	021	UBND xã Nhơn Trạch	Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: - Điện thoại: ...	57/T1 57/T2 57/S1 57/T3 57/T4 57/T5 52/S2 52/S3 57/406		X			
*	TỔNG CỘNG								0	21



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 001

Họ và tên: Đặng Thanh Sang

- Mã số định danh/số căn cước: 024906352

- Địa chỉ thường trú: Tổ 47 Khu A, ấp Phước Lý, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 52/42

- Diện tích thửa: 1.035m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 79,1 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số DB 579323 cấp ngày 25/05/2021

- Số tờ/thửa: 52/157

- Diện tích thửa: 109m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 39 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số DB 579324 cấp ngày 25/05/2021

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 10.323 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Theo Chứng thư thẩm định giá số 231/CT-ĐGD ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt)						102.888.720	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	79,1	871.200	100		68.911.920	
2	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	39	871.200	100		33.976.800	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						389.867	
1	Bình bát	Cây	8	35.000	80		224.000	
2	Keo lá tràm	Cây	1	163.247	80		130.598	
3	Keo lá tràm	Cây	2	22.043	80		35.269	
CỘNG							103.278.587	
THƯƠNG DI DỜI							12.000.000	
TỔNG CỘNG							115.278.587	

Viết bằng chữ: Một trăm mười lăm triệu, hai trăm bảy mươi tám ngàn, năm trăm tám mươi bảy đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 002

Họ và tên: Nguyễn Minh Nhi

- Mã số định danh/số căn cước: 352343117

- Địa chỉ thường trú: Ấp Bình An, xã Châu Phú (xã Bình Phú, huyện Châu Phú cũ), tỉnh An Giang

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch (Phước Thiên cũ)

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 52/41 (5/41 cũ)

- Diện tích thửa: 1.027m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 2,8 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy CNQSD đất số DI 835448, cấp ngày 14/12/2022

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 0.272 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Luật Đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Theo Chứng thư thẩm định giá số 231/CT-ĐGD ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt)						2.439.360	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	2,8	871.200	100		2.439.360	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						28.000	
1	Bình bát	Cây	1	35.000	80		28.000	
CỘNG							2.467.360	
THƯỞNG DI DỜI							2.000.000	
TỔNG CỘNG							4.467.360	

Viết bằng chữ: Bốn triệu, bốn trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm sáu mươi đồng.



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

Niên yết

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhơn Trạch, ngày 09 tháng 03 năm 2026

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 003

Họ và tên: Nguyễn Minh Trí

- Mã số định danh/số căn cước: 312306634

- Địa chỉ thường trú: 205 đường Ông Hiệu, KP2, P Mỹ Phước Tây, tỉnh Đồng Tháp

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 52/43

- Diện tích thửa: 489m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 51,6 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số DB 579695 cấp ngày 31/05/2021

- Số tờ/thửa: 52/44

- Diện tích thửa: 668m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 59,1 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số DB 579696 cấp ngày 31/05/2021

- Số tờ/thửa: 52/47

- Diện tích thửa: 606m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 10,3 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số DB 579699 cấp ngày 31/05/2021

- Số tờ/thửa: 52/156

- Diện tích thửa: 101m²



- Diện tích thu hồi trong ranh: 20,4 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Loại đất thu hồi: LUC
- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số DB 579700 cấp ngày 31/05/2021
- Số tờ/thửa: 52/158
- Diện tích thửa: 1.661m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 8,5 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Loại đất thu hồi: LUC
- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số DB 579701 cấp ngày 31/05/2021
- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 4.252 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024
- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư
- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo undefined)						130.592.000	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	51,6	871.200	100		44.954.000	
2	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	59,1	871.200	100		51.488.000	
3	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	10,3	871.200	100		8.973.000	
4	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	20,4	871.200	100		17.772.000	
5	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	8,5	871.200	100		7.405.000	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						1.342.000	
1	Bình bát	Cây	1	35.000	80		28.000	
2	Lá dứa nước	m2	98	12.000	80		941.000	
3	Keo lá tràm	Cây	2	163.247	80		261.000	
4	Bần	Cây	4	35.000	80		112.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
CỘNG							131.934.000	
THƯỜNG DI DỜI							12.000.000	
TỔNG CỘNG							143.934.000	

Viết bằng chữ: Một trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn đồng.





BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 004

Họ và tên: Nguyễn Thị Phụng

- Mã số định danh/số căn cước: 285389343

- Địa chỉ thường trú: Tổ 11, KP Phú Hưng, P An Lộc, tỉnh Bình Phước

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 57/377

- Diện tích thửa: 822m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 21 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số BP 009386 cấp ngày 21/12/2013

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 2.554 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Theo Chứng thư thẩm định giá số 231/CT-ĐGD ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt)						18.295.200	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	21	871.200	100		18.295.200	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						381.634	
1	Bình bát	Cây	13	35.000	80		364.000	
2	Keo lá tràm	Cây	1	22.043	80		17.634	
CỘNG							18.676.834	
THƯỞNG DI DỜI							2.000.000	
TỔNG CỘNG							20.676.834	

Viết bằng chữ: Hai mươi triệu, sáu trăm bảy mươi sáu ngàn, tám trăm ba mươi bốn đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 005

Họ và tên: Đặng Thanh Phương

- Mã số định danh/số căn cước: 272485934

- Địa chỉ thường trú: ấp Vĩnh Tuy, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 52/52

- Diện tích thửa: 4.154m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 19,1 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CG 054511 cấp ngày 22/12/2016

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 0.459 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Theo Chứng thư thẩm định giá số 231/CT-ĐGD ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt)						16.639.920	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	19,1	871.200	100		16.639.920	
CỘNG							16.639.920	
THƯỜNG DI DỜI							2.000.000	
TỔNG CỘNG							18.639.920	

Viết bằng chữ: Mười tám triệu, sáu trăm ba mươi chín ngàn, chín trăm hai mươi đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 006

Họ và tên: Võ Thới Lai - Nguyễn Thị Triệu

- Mã số định danh/số căn cước: 271034225 - 270222194

- Địa chỉ thường trú: Ấp Liên Kim Sơn, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch (Phước Thiên cũ)

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 57/87 (10/87 cũ)

- Diện tích thửa: 4.922,7m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 4,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số BK 519798, cấp ngày

31/8/2012

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 0.091 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Luật Đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Theo Chứng thư thẩm định giá số 231/CT-ĐGD ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt)						3.920.400	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	4,5	871.200	100		3.920.400	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						84.000	
1	Bình bát	Cây	3	35.000	80		84.000	
CỘNG							4.004.400	
THƯỜNG DI DỜI							2.000.000	
TỔNG CỘNG							6.004.400	

Viết bằng chữ: Sáu triệu, không trăm lẻ bốn ngàn, bốn trăm đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 007

Họ và tên: Vũ Thị Ngân

- Mã số định danh/số căn cước: 034199002553

- Địa chỉ thường trú: Thôn Thu Cúc, xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhon Trach

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 57/91 (10/91 cũ)

- Diện tích thửa: 725m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 9,1 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cấp giấy CNQSD đất số DK

797843, cấp ngày 07/6/2023

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 1.255 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Luật Đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Theo Chứng thư thẩm định giá số 231/CT-ĐGD ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt)						7.927.920	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	9,1	871.200	100		7.927.920	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						224.000	
1	Bình bát	Cây	8	35.000	80		224.000	
CỘNG							8.151.920	
THƯƠNG DI DỜI							2.000.000	
TỔNG CỘNG							10.151.920	

Viết bằng chữ: Mười triệu, một trăm năm mươi một ngàn, chín trăm hai mươi đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 008

Họ và tên: Hoàng Thị Ngọc Thiện

- Mã số định danh/số căn cước: 024190000614

- Địa chỉ thường trú: 8 đường 50B Kp. 02, P. Long Trường (P. Phú Hữu, Tp. Thủ Đức cũ), Tp. HCM

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch (Phước Thiên cũ)

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 57/92 (10/92 cũ)

- Diện tích thửa: 5.258m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 32,4 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy CNQSD đất số DD 023039, cấp ngày 13/12/2021

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 0.616 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Luật Đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Theo Chứng thư thẩm định giá số 231/CT-ĐGD ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt)						28.226.880	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	32,4	871.200	100		28.226.880	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						56.000	
1	Bình bát	Cây	2	35.000	80		56.000	
CỘNG							28.282.880	
THƯỞNG DI DỜI							4.000.000	
TỔNG CỘNG							32.282.880	

Viết bằng chữ: Ba mươi hai triệu, hai trăm tám mươi hai ngàn, tám trăm tám mươi đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 009

Họ và tên: Trần Duyên Duyên

- Mã số định danh/số căn cước: 075196018888

- Địa chỉ thường trú: F229, Kp. 07, P. Trần Biên (P. Thống Nhất, Tp. Biên Hòa cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhon Trạch (Phước Thiên cũ)

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 57/153 (10/153 cũ)

- Diện tích thửa: 1.980,2m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 44,6 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy CNQSD đất số DI 551354, cấp ngày 14/4/2023, chỉnh lý biến động cho bà Trần Duyên Duyên ngày 19/6/2025

- Số tờ/thửa: 57/119 (10/119 cũ)

- Diện tích thửa: 2.391,5m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 5,2 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy CNQSD đất số DK 797433, cấp ngày 19/5/2023, chỉnh lý biến động cho bà Trần Duyên Duyên ngày 23/6/2025

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 1.139 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Luật Đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Theo Chứng thư thẩm định giá số 231/CT-DGD ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt)						43.385.760	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	44,6	871.200	100		38.855.520	
2	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	5,2	871.200	100		4.530.240	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						616.000	
1	Bình bát	Cây	22	35.000	80		616.000	
CỘNG							44.001.760	
THƯỞNG DI DỜI							4.000.000	
TỔNG CỘNG							48.001.760	

Viết bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, không trăm lẻ một ngàn, bảy trăm sáu mươi đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Đùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 010

Họ và tên: Nguyễn Công Minh

- Mã số định danh/số căn cước: 270304029

- Địa chỉ thường trú: Ấp Trầu, xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ)

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống:

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 57/155 (10/155 cũ)

- Diện tích thửa: 4.746,8m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 121,8 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy CNQSD đất số CY 260095, cấp ngày 30/10/2020

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 2.565 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Luật Đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại:

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo undefined)						106.112.000	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	121,8	871.200	100		106.112.000	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						1.447.000	
1	Bình bát	Cây	47	35.000	80		1.316.000	
2	Keo lá tràm	Cây	1	163.247	80		131.000	
CỘNG							107.559.000	
THƯỜNG DI DỜI							12.000.000	
TỔNG CỘNG							119.559.000	

Viết bằng chữ: Một trăm mười chín triệu, năm trăm năm mươi chín ngàn đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 011

Họ và tên: Văn Thị Phi Nga

- Mã số định danh/số căn cước: 023232521

- Địa chỉ thường trú: Ấp Xóm Hố, xã Nhơn Trạch (Phú Hội cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch (Phước Thiên cũ)

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 57/154 (10/154 cũ)

- Diện tích thửa: 379m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 25,3 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số BE 167323, cấp ngày

08/7/2011

- Số tờ/thửa: 57/115 (10/115 cũ)

- Diện tích thửa: 423m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 35,9 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số BE 167321, cấp ngày

08/7/2011

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 7.63 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Luật Đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Theo Chứng thư thẩm định giá số 231/CT-ĐGD ngày 10/03/2026 của Công thy Cổ phần thẩm định giá Sen Việt)						53.317.440	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	25,3	871.200	100		22.041.360	
2	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	35,9	871.200	100		31.276.080	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						2.091.069	
1	Cây chuối	ha	0,002	280.000.000	80		448.000	
2	Mai	Cây	1	187.000	80		149.600	
3	Bình bát	Cây	1	35.000	80		28.000	
4	Cây Dừa (Năm thu hoạch thứ 1-5)	Cây	1	1.387.626	80		1.110.101	
5	Bàng	Cây	1	444.210	80		355.368	
CỘNG							55.408.509	
THƯỞNG DI DỜI							8.000.000	
TỔNG CỘNG							63.408.509	

Viết bằng chữ: Sáu mươi ba triệu, bốn trăm lẻ tám ngàn, năm trăm lẻ chín đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 012

Họ và tên: Nguyễn Văn Tèo - Nguyễn Thị Gái

- Mã số định danh/số căn cước: 075062004529 - 075167010871

- Địa chỉ thường trú: ấp Trầu, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 57/156 (9/113, 114, 128, 133)

- Diện tích thửa: 1.739,6m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 52,2 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: được nhà nước công nhận QSD đất số O 822870 cấp ngày 06/11/2000

- Số tờ/thửa: 57/159 (9/112, 123)

- Diện tích thửa: 2.495,5m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 55,6 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: được nhà nước công nhận QSD đất số O 822870 cấp ngày 06/11/2000

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 2.545 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Theo Chứng thư thẩm định giá số 231/CT-ĐGD ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt)						93.915.360	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	52,2	871.200	100		45.476.640	
2	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	55,6	871.200	100		48.438.720	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						1.344.000	
1	Bình bát	Cây	27	35.000	80		756.000	T 159
2	Bình bát	Cây	21	35.000	80		588.000	T 156
CỘNG							95.259.360	
THƯỜNG DI DỜI							8.000.000	
TỔNG CỘNG							103.259.360	

Viết bằng chữ: Một trăm lẻ ba triệu, hai trăm năm mươi chín ngàn, ba trăm sáu mươi đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 013

Họ và tên: Nguyễn Văn Ước

- Mã số định danh/số căn cước: 021446182

- Địa chỉ thường trú: 116B Tân Điền B, P Long Trường, TpHCM

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 57/379

- Diện tích thửa: 10,9m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 7 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số V 339222 cấp ngày 12/06/2002

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 64.22 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Theo Chứng thư thẩm định giá số 231/CT-ĐGD ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt)						6.098.400	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	7	871.200	100		6.098.400	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						56.000	
1	Bình bát	Cây	2	35.000	80		56.000	
CỘNG							6.154.400	
THƯƠNG DI DỜI							2.000.000	
TỔNG CỘNG							8.154.400	

Viết bằng chữ: Tám triệu, một trăm năm mươi bốn ngàn, bốn trăm đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 014

Họ và tên: Lê Quang Chung - Hoàng Thị Huyền

- Mã số định danh/số căn cước: 031072002701 - 0361820033621

- Địa chỉ thường trú: 43 Mai Văn Vĩnh, P. Tân Hưng (P. Tân Quy, Q. 07 cũ), Tp. HCM

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch (Phước Thiên cũ)

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 57/84 (09/80 cũ)

- Diện tích thửa: 3.847,3m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 122,8 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số AK 754224, cấp ngày 25/10/2007 (Thửa 80 tờ 09 cũ)

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 3.19 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Luật Đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Theo Chứng thư thẩm định giá số 231/CT-ĐGD ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt)						106.983.360	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	122,8	871.200	100		106.983.360	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						1.613.634	
1	Bình bát	Cây	57	35.000	80		1.596.000	
2	Keo lá tràm	Cây	1	22.043	80		17.634	
CỘNG							108.596.994	
THƯỜNG DI DỜI							12.000.000	
TỔNG CỘNG							120.596.994	

Viết bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu, năm trăm chín mươi sáu ngàn, chín trăm chín mươi bốn đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 015

Họ và tên: Đào Văn Hai

- Mã số định danh/số căn cước: 270289634

- Địa chỉ thường trú: Ấp Trầu, xã Nhơn Trạch (Phước Thiên cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch (Phước Thiên cũ)

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 57/85 (09/79 cũ)

- Diện tích thửa: 1.429,3m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 32,6 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số I 741785, cấp ngày 06/8/2007 (Thửa 79 tờ 09 cũ)

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 2.28 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Luật Đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Theo Chứng thư thẩm định giá số 231/CT-ĐGD ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt)						28.401.120	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	32,6	871.200	100		28.401.120	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						567.269	
1	Bình bát	Cây	19	35.000	80		532.000	
2	Keo lá tràm	Cây	2	22.043	80		35.269	
CỘNG							28.968.389	
THƯỜNG DI DỜI							4.000.000	
TỔNG CỘNG							32.968.389	

Viết bằng chữ: Ba mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm tám mươi chín đồng.

**BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 016

Họ và tên: Lê Văn Chín

- Mã số định danh/số căn cước: 270706339

- Địa chỉ thường trú: ấp Bến Sắn, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 57/86

- Diện tích thửa: 1.368,5m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 26,8 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số AI 613811 cấp ngày 30/03/2007

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 1.958 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:**5. Thông tin về tái định cư:**

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo undefined)						23.348.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	26,8	871.200	100		23.348.000	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						224.000	
1	Bình bát	Cây	2	35.000	80		56.000	
2	Keo lá tràm	Cây	1	163.247	80		131.000	
3	Keo lá tràm	Cây	3	15.384	80		37.000	
CỘNG							23.572.000	
THƯỜNG DI DỜI							4.000.000	
TỔNG CỘNG							27.572.000	

Viết bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi hai ngàn đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

- Mã số: 017
- Họ và tên: Trần Thành Hương
- Mã số định danh/số căn cước: 023205424
- Địa chỉ thường trú: TK 54/22A đường Võ Văn Kiệt, P Cầu Ông Lãnh, TP HCMQ1,
- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .
- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .
- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: .
- Tham gia BHXH: .
- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 52/49
- Diện tích thửa: 767m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 54,7 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Loại đất thu hồi: LUC
- Nguồn gốc đất: Được nhà nước công nhận QSD đất số CQ 680673 cấp ngày 28/01/2019
- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 7.131 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: theo luật đất đai 2024
- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư
- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo undefined)						47.655.000	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	54,7	871.200	100		47.655.000	
CỘNG							47.655.000	
THƯỜNG DI DỜI							4.000.000	
TỔNG CỘNG							51.655.000	

Viết bằng chữ: Năm mươi một triệu, sáu trăm năm mươi lăm ngàn đồng.

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 018

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Vân

- Mã số định danh/số căn cước: 079158002489

- Địa chỉ thường trú: 209/33 Tôn Thất Thuyết, P. 03, Q. 04, Tp. HCM (Địa chỉ theo GCNQSDĐ: Ấp
Trầu, xã Nhơn Trạch (Phước Thiên cũ), tỉnh Đồng Nai)

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch (Phước Thiên cũ)

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống :

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 57/375 (10/375 cũ)

- Diện tích thửa: 1.964,2m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 37,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số BP 002116, cấp ngày
23/8/2013

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 1.909 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Luật Đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Theo Chứng thư thẩm định giá số 231/CT-ĐGD ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt)						32.670.000	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	37,5	871.200	100		32.670.000	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						61.536	
1	Keo lá tràm	Cây	5	15.384	80		61.536	
CỘNG							32.731.536	
THƯỞNG DI DỜI							4.000.000	
TỔNG CỘNG							36.731.536	

Viết bằng chữ: Ba mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, năm trăm ba mươi sáu đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chỉ trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 019

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Ngọc

- Mã số định danh/số căn cước: 272272668

- Địa chỉ thường trú: A3/193B, Kp. 03, P. P. Biên Hòa, (P. Tân Vạn, Tp. Biên Hòa cũ), tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch (Phước Thiện cũ)

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống:

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 57/88 (09/85 cũ)

- Diện tích thửa: 116m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 8,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số T 529311, cấp ngày 29/3/2004 (Thửa 85 tờ 09 cũ)

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 7.327 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Luật Đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại:

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo undefined)						7.405.000	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	8,5	871.200	100		7.405.000	
CỘNG							7.405.000	
THƯỜNG DI DỜI							2.000.000	
TỔNG CỘNG							9.405.000	

Viết bằng chữ: Chín triệu, bốn trăm lẻ năm ngàn đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 020

Họ và tên: Nguyễn Văn Tuấn

- Mã số định danh/số căn cước: 021977116

- Địa chỉ thường trú: 294/65 Lê Hồng Phong, P. 04, Q. 05, Tp. HCM

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch (Phước Thiên cũ)

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu:

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống:

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất:

- Tham gia BHXH:

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp:

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 52/37 (03/30 cũ)

- Diện tích thửa: 3.722m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 82,8 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số U 531488, cấp ngày 15/5/2002 (Thửa 30 tờ 03 cũ)

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 2.224 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Luật Đất đai 2024

- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư

- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Theo Chứng thư thẩm định giá số 231/CT-ĐGD ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt)						72.135.360	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	82,8	871.200	100		72.135.360	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						756.000	
1	Bình bát	Cây	27	35.000	80		756.000	
CỘNG							72.891.360	
THƯỜNG DI DỜI							8.000.000	
TỔNG CỘNG							80.891.360	

Viết bằng chữ: Tám mươi triệu, tám trăm chín mươi một ngàn, ba trăm sáu mươi đồng.



BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: Mở rộng đoạn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 021

Họ và tên: UBND xã Nhơn Trạch (Đất do UBND xã quản lý)

- Mã số định danh/số căn cước:

- Địa chỉ thường trú: Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: xã Nhơn Trạch (Phước Thiên cũ)

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: ...

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : ...

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: ...

- Tham gia BHXH: ...

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: ...

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 57/T1

- Diện tích thửa: 0,6m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 0,6 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: DTL

- Nguồn gốc đất: Đất do UBND xã quản lý

- Số tờ/thửa: 57/S1

- Diện tích thửa: 37,5m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 37,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: SON

- Nguồn gốc đất: Đất do UBND xã quản lý

- Số tờ/thửa: 57/T2

- Diện tích thửa: 10,5m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 10,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: DTL

- Nguồn gốc đất: Đất do UBND xã quản lý

- Số tờ/thửa: 57/T3

- Diện tích thửa: 4,2m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 4,2 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Loại đất thu hồi: DTL
- Nguồn gốc đất: Đất do UBND xã quản lý
- Số tờ/thửa: 57/T4
- Diện tích thửa: 5,8m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 5,8 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Loại đất thu hồi: DTL
- Nguồn gốc đất: Đất do UBND xã quản lý
- Số tờ/thửa: 57/T5
- Diện tích thửa: 5m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 5 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Loại đất thu hồi: DTL
- Nguồn gốc đất: Đất do UBND xã quản lý
- Số tờ/thửa: 52/S1
- Diện tích thửa: 72,7m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 72,7 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Loại đất thu hồi: SON
- Nguồn gốc đất: Đất do UBND xã quản lý
- Số tờ/thửa: 52/S2
- Diện tích thửa: 14,2m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 14,2 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Loại đất thu hồi: SON
- Nguồn gốc đất: Đất do UBND xã quản lý
- Số tờ/thửa: 52/S3
- Diện tích thửa: 26,3m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 26,3 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Loại đất thu hồi: SON
- Nguồn gốc đất: Đất do UBND xã quản lý
- Số tờ/thửa: 57/406
- Diện tích thửa: 1.484m²
- Diện tích thu hồi trong ranh: 21,4 m²
- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²
- Loại đất thu hồi: NTS
- Nguồn gốc đất: Đất do UBND xã quản lý
- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất:

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Luật Đất đai 2024
- Không đủ điều kiện xét cấp tái định cư
- Tại :

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Theo Chứng thư thẩm định giá số 231/CT-ĐGD ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt)						0	
1	Đất thủy lợi; Đất công UBND xã; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	0,6	0	0		0	
2	Đất sông Rạch; Đất công UBND xã; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	37,5	0	0		0	
3	Đất thủy lợi; Đất công UBND xã; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	10,5	0	0		0	
4	Đất thủy lợi; Đất công UBND xã; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	4,2	0	0		0	
5	Đất thủy lợi; Đất công UBND xã; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	5,8	0	0		0	
6	Đất thủy lợi; Đất công UBND xã; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	5	0	0		0	
7	Đất sông Rạch; Đất công UBND xã; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	72,7	0	0		0	
8	Đất sông Rạch; Đất công UBND xã; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	14,2	0	0		0	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
9	Đất sông Rạch; Đất công UBND xã; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	26,3	0	0		0	
10	Đất nuôi trồng thủy sản; Vị trí 2; Đường Trần Phú (Đoạn từ Cầu Đồng Môn - Trạm thu phí BOT 319)	m ²	21,4	871.200	0		0	
CỘNG							0	
THƯƠNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							0	

Viết bằng chữ: không.